TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 23 - 5- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Dương Chính Phù

+ Bà Lục Thị Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Phùng Minh T** sinh năm 1974 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002074000666, cấp ngày 04/4/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Phùng Minh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm: 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Lý Văn P** sinh năm 1989 tại xã huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002089000938, cấp ngày 13/4/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không, con ông Lý Văn M và bà Đặng Thị K; có vợ: Tẩn Thị Mùi và 01 con sinh năm: 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/9/2022 Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 8 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2025 hiện đang bị tạm giam.Có mặt.

3. **Lý Tà T2**, sinh năm 1984 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002084006309, cấp ngày 16/12/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lý Tà K (đã chết) và bà Phàn Thị S (đã chết); có vợ: Lương Thị X (đã ly hôn năm 2011), có 01 con sinh năm 2013;

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án, ngày 29/7/2024 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng từ ngày 29/7/2024 về tội đánh bạc.

Nhân thân: Ngày 06/6/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù về tội tàng trữ lưu hành tiền giả (đã được xóa án tích)

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/01/2025 hiện đang bị tạm giam . Có mặt.

4. **Mai Minh C**, sinh năm 1986 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà giang; căn cước công dân số: 002086006808, cấp ngày 25/6/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam: Đảng, đoàn thể: Không; con ông Mai Suẩn L (đã chết) và bà Vàng Thị N (đã chết); có vợ: Lử Thị T và 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm: 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1990 tại tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã Q, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002190011581, cấp ngày 07/3/2023. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Viết Nvà bà Phùng Thị T; có chồng: Lương Văn T và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. **Đặng Thị Thúy H1**, sinh năm 1975 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bó L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đơn vị công tác: Trường tiểu học Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002175000657, cấp ngày 12/4/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ công an; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Đặng Đình (đã chết) và bà La Thị T; có chồng: Đỗ Văn C và 02

con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. **Nguyễn Đức T1**, sinh năm 1969 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi thường trú: Tổ 3, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 035069005756, cấp ngày 25/6/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Chính Qn và bà Lương Thị T; có vợ: Nguyễn Thị N và 02 con, con lớn sinh năm: 1996, con nhỏ sinh năm 2003. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2025 đến ngày 16/01/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. **Vũ Thị H3**, sinh năm 1967 tại huyện K, tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vn, xã Q, huyện , tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 034167015050, cấp ngày 12/4/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Vũ Văn Đ và bà Phạm Thị S; có chồng: Phùng Minh H và 04 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. **Lê Thị Thu T1**, sinh năm 1990 tại huyện , tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 034190013190, cấp ngày 06/4/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lê Văn (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; có chồng: Phùng Minh H và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn S; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn: L xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không lý do.

- Anh Phùng Minh H; Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn: L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Chị Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1976. Có mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã Qn, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 10/01/2025 Phùng Minh T đang ở nhà tại: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang thì có Lý Văn P đến chơi, P và T ngồi chơi

được một lúc thì có Đặng Thị Thúy H1 *(là hàng xóm của T)* cũng đến, tiếp đó có Nguyễn Thị H2 đến nhà T để lấy máy xay thịt *(vì trước đó nhà T có mượn máy xay thịt của H2)*; khi P, H1 và H2 đến chơi, Phùng Minh T có lấy ra một bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân đã mua trước đó và rủ P, H1 đánh sâm ăn tiền, nhưng P, H1 không đồng ý đánh sâm mà đã thống nhất đánh ba cây ăn tiền mỗi ván bài đặt cược 50.000 đồng/01 người/ván; Phùng Văn T dùng tấm thảm chải dưới nền bếp và sử dụng một bộ tú lơ khơ có 52 quân bài được bỏ đi các quân bài từ 10, J, Q, K ra ngoài và dùng các quân bài còn lại từ A (*át*) đến 9 để đánh ba cây; hình thức đánh bạc, các bị cáo thống nhất giao một người cầm cái để chia bài, mỗi người sẽ được chia 03 quân bài để cộng điểm, ai có số điểm to hơn người cầm cái thì thắng và được người cầm cái trả cho số tiền 50.000 đồng, còn ai có số điểm bé hơn người cầm cái thì thua và phải trả cho người cầm cái số tiền 50.000 đồng, còn H2 lấy bài của P đánh với bài của Phùng Minh T. Trong lúc đang đánh bạc thì có thêm Lê Thị Thu T1, Lý Tà T2, Mai Minh C, Vũ Thị H3 và Nguyễn Đức T3 cũng đến nhà T chơi thấy mọi người đang đánh ba cây ăn tiền đã ngồi vào tham gia đánh bạc; trong quá trình đánh bạc có bị cáo H2 và H3 người không trực tiếp cầm bài, mà chỉ lấy bài của các bị cáo khác để tính điểm. Cụ thể bị cáo H2 lấy bài của bị cáo Tđể tính điểm cược tiền với bài của bị cáo P mỗi ván ăn thua từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, còn bị cáo H3 lấy bài của bị cáo T3 để tính điểm cược tiền với bài của bị cáo C và một số bị cáo khác, mỗi ván ăn thua từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Những người làm chứng là Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn S, Phùng Minh H đều biết sự việc các bị cáo đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây, đến khoảng 17 giờ ngày 10/01/2025 thì phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Giang phối hợp với Công an huyện Q bắt quả tang

Về vật chứng:

- Tiền thu giữ trên chiếu bạc là 11.031.000, đ *(Mười một triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng)* gồm nhiều mệnh giá khách nhau.

- 414 quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng.

- Thu trên người bị cáo Mai Minh C:

+ 01 Điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, đã qua sử dụng.

+ Tiền mặt 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng) gồm nhiều mệnh giá khác nhau.

- Thu trên người của bị cáo Vũ Thị H3:

+ 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Tiền mặt 2.318.000 đồng (hai triệu ba trăm mười tám nghìn đồng) gồm nhiều mệnh giá khác nhau.

- Thu trên người của bị cáo Lý Tà T2:

+ 01 Ví giả da, đã qua sử dụng.

+ 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, đã qua sử dụng.

+ Tiền mặt 7.344.000 đồng (Bảy triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) gồm nhiều mệnh giá khác nhau.

- Thu trên người của bị cáo Phùng Minh T:

+ 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung, có vết nứt vỡ, đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định.

+ Tiền mặt 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn đồng) gồm nhiều mệnh giá khác nhau.

- Thu trên người của bị cáo Nguyễn Thị H2:

+ 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam sung màu đen, đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Sam sung màu xanh đã qua sử dụng.

+ Tiền mặt 560.000 đồng (Năm trăm sáu mười nghìn đồng) gồm nhiều mệnh giá khác nhau.

Quá trình tham gia đánh bạc: Phùng Văn T sử dụng 2.600.000 đồng, Nguyễn Thị H2 sử dụng 1.240.000 đồng, Đặng Thị Thúy H1 sử 2.300.000 đồng, Lê Thị Thu T1 sử dụng 2.900.000 đồng, Mai Minh C sử dụng 3.100.000 đồng. Vũ Thị H3 sử dụng 2.318.000 đồng, Lý Tà T2 sử dụng 250.000 đồng, Lý Văn P sử dụng 400.000 đồng, Nguyễn Đức T3 sử dụng 2.300.000 đồng. Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc gồm: Thu tại chiếu bạc là 11.031.000 đồng, thu trên người các bị cáo là 6.258.000 đồng

Kết luận giám định số: 102/KL-KTHS như sau: 170 *(một trăm bảy mươi)* tờ tiền Việt Nam cần giám định đều là tiền thật *(có bảng kê mệnh giá tiền và số seri kèm theo).*

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi đánh bạc như nội dung cáo trạng.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 24/4/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ đã truy tố: Phùng Minh Thanh, Lý Văn Phương, Nguyễn Thị Huệ, Đặng Thị Thúy Hằng, Lý Tà Tây, Mai Minh Cương, Lê Thị Thu Trang, Vũ Thị Huyên và Nguyễn Đức Thiện về tội ‘’ Đánh bạc’’ theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Phùng Minh T, Lý Văn P, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị Thúy H1, Lý Tà T2, Mai Minh C, Lê Thị Thu T1, Vũ Thị H3 và Nguyễn Đức T3 về tội ‘’ Đánh bạc’’ theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 38, Điều 58 điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Minh T từ 10 đến 12 tháng tù được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lý Tà T2 từ 7 đến 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 31/2024/HSST ngày 29/7/2024 của TAND huyện V đã xử 09 tháng tù cho hưởng án treo, buộc bị cáo phải chấp án phạt tù theo quy định, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/01/2025 được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/01/2024 đến ngày 15/01/2024 của bán án số 31/2024/HSST.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 38, Điều 58 điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lý Văn P từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 10/01/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị H2 từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng; Mai Minh C từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 20 tháng; Vũ Thị H3 từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 đến 18 tháng; Nguyễn Đức T3 từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 20 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị Thúy H1 từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng.

Giao các bị cáo được hưởng án treo về nơi cư trú để chính quyền địa phương, cơ quan công tác giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 50 Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thu T1 07 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Do không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập và giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Các bị cáo trong vụ án đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, điểm b, c khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 17.289.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, tịch thu tiêu hủy 414 quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng và 01 thảm nỉ màu đỏ, đen không còn giá trị sử dụng.

Trả lại bị cáo Mai Minh C 01 Điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, đã qua sử dụng.

Trả lại Vũ Thị H3: 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

Trả lại Lý Tà T2: 01 Ví giả da, đã qua sử dụng. 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, đã qua sử dụng và 7.344.000 đồng

Trả lại Phùng Minh T: 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung, có vết nứt vỡ, đã qua sử dụng.

Trả lại Nguyễn Thị H2: 02 Điện thoại di động nhãn hiệu sam sung đã qua sử dụng và 560.000 đồng .

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Kết thúc phần tranh luận khi được nói lời sau cùng các bị cáo khác xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Công an huyện và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q: Điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng Nguyễn Văn S: Xét thấy người làm chứng đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trên cơ sở ý kiến của kiểm sát viên và xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung

[3] Về tội danh, khung hình phạt: Căn cứ diễn biến tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 10/01/2025 tại gian nhà bếp của mình Phùng Minh T có hành vi rủ rê các bị cáo Nguyễn Thị H2, Lý Văn P, Đặng Thúy H1 đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây ăn tiền, công cụ sử dụng là bộ bài tú lơ khơ, phương thức chơi quy định mỗi lần đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, trong khi đang đánh bạc có thêm các bị cáo Lý Tà T2, Mai Minh C, Lê Thị Thu T1, Vũ Thị H3 và Nguyễn Đức T3 đã đến cùng tham gia đánh bạc. Số tiền các bị cáo dùng để chơi bạc cụ thể: Phùng Văn T sử dụng 2.600.000 đồng, Nguyễn Thị H2 sử dụng 1.240.000 đồng, Đặng Thúy H1 sử 2.300.000 đồng, Lê Thu T1 sử dụng 2.900.000 đồng, Mai Minh C sử dụng 3.100.000 đồng. Vũ Thị H3 sử dụng 2.318.000 đồng, Lý Tà T2 sử dụng 250.000 đồng, Lý Văn P sử dụng 400.000 đồng, Nguyễn Đức T3 sử dụng 2.300.000 đồng. Số tiền xác định các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.289.000 đồng. Như vậy hành vi đánh bạc được thua bằng tiền không được cơ quan quản lý nhà nước cho phép của các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ truy tố và đề nghị áp dụng đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có cơ sở và đúng qui định của pháp luật.

[4] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn công cộng, các bị cáo cùng nhau đánh bạc bằng hình thức chơi 3 cây, sát phạt nhau được thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính, hành vi đó gây mất trật tự trị an tại địa phương, còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Đây là một tệ nạn xã hội đã gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, đánh giá vị trí, vai trò và nhân thân của các bị cáo khi quyết định hình phạt để tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Tà T2 có nhân thân xấu, phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên phải chịu tình tiết tái phạm theo quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo P có nhân thân xấu các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo T, Huệ, H1, H3, T1, C, T3 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo T1 phạm tội khi đang mang thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Hằng được tặng danh hiệu khen thưởng của nhà nước nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét vai trò, nhân thân, mức độ hành vi phạm tội; Trong vụ án này các bị cáo phạm tội do bột phát, không có tổ chức, không thu tiền phí, không cầm cố tài sản, không có sự câu kết chặt chẽ hoặc phân công lẫn nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó vai trò của từng bị cáo như sau:

Bị cáo Phùng Minh T là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị quân bài, sử dụng tại chính nơi ở của mình và tham gia đánh bạc ngay từ đầu đến khi bị bắt, đã sử dụng 2.600.000 đồng để tham gia đánh bạc nên bị cáo có vai trò chính trong vụ án. Cần áp dụng mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo Lý Tà T2 có nhân thân xấu, có 1 tình tiết tăng nặng, đang chấp hành bản án cho hưởng án treo về tội đánh bạc, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, đã sử dụng 250,000 đồng để đánh bạc, do vậy cần chuyển hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 31/2024/HS-ST ngày 29/7/2024 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang và tổng hợp hình phạt tù của lần phạm tội này để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính dăn đe và đạt được mục đích giáo dục của hình phạt.

Bị cáo P đã bị xử phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc vào năm 2022, đã được xóa án tích, lần phạm tội này đã tham gia từ đầu và sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới đạt được mục đích giáo dục của hình phạt.

Bị cáo H2 sử dụng 1.240.000 đồng và tham gia từ đầu, khi tham gia đã lấy bài của bị cáo T chơi với bị cáo P, mỗi ván thắng thua từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, bị cáo H1 sử dụng 2.30.000 đồng và tham gia từ đầu, bị cáo C đến sau sử dụng 3.100.000 đồng tham gia đánh bạc khi bị bắt có được 3.800.000 đồng, bị cáo H3 đến sau sử dụng 2.318.000 đồng, bị cáo lấy bài của bị cáo T3 chơi với bài của C, mỗi ván thắng thua từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. bị cáo T1 đến sau sử dụng 2.900.000 đồng, bị cáo T3 đến sau sử dụng 2.300.000 đồng. Căn cứ vào mức độ hành vi phạm tội Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc để xác định trách nhiệm hình sự tương ứng với từng bị cáo.

Xét thấy các bị cáo H2, C, H1, H3, T3, T1 có vai trò thứ yếu, số tiền tham gia đánh bạc ít, không có tiền án, tiền sự, có lý lịch, nơi cư trú, sinh sống rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong thời gian tại ngoại các bị cáo không vi phạm các quy định của nhà nước nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho các bị cáo H2, C, H1, H3, T3 được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, bị cáo T1 đang mang thai cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú hoặc cơ quan nơi bị cáo công tác để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án cũng đủ dăn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích. Ngoài ra đối với bị cáo Trang là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo khi chấp hành án cải tạo không giam giữ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 17.289.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 414 quân bài tú lơ khơ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, 01 thảm dải nhà của bị cáo Phùng Minh T không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền 7.344.000 đồng của bị cáo Lý Tà T2 và 560.00 đồng của bị cáo Nguyễn Thị H2 và các điện thoại của các bị cáo xác định không sử dụng vào việc đánh bạc cần trả lại cho các bị cáo.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Minh T **11** (mười một) tháng tù về tội ‘‘ Đánh bạc’’ được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025. Thời hạn chấp hành án phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến khi bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lý Văn P **08** (tám) tháng tù về tội ‘‘ Đánh bạc’’. Thời hạn chấp hành án phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/01/2025, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lý Tà T2 **08** (tám) tháng tù về tội‘‘ Đánh bạc’’. Tổng hợp hình phạt của bản án cho hưởng treo số 31/2024/HS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa

án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang (09 tháng tù cho hưởng án treo), buộc bị cáo phải chấp hành **17** (mười bảy) tháng tù được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2024 đến ngày 15/01/2024. Thời hạn chấp hành án phạt tù kể từ ngày 10/01/2025, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự (căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Thị Thúy H1):

Xử phạt bị cáo Mai Minh C **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội ‘‘ Đánh bạc’’, thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Thúy H1 **08** (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội ‘‘ Đánh bạc’’, thời gian thử thách là **16** (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T3 **08** (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội ‘‘ Đánh bạc’’, thời gian thử thách là **16** (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 **07** (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội ‘‘ Đánh bạc’’, thời gian thử thách là **14** (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị H3 **07** (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội ‘‘ Đánh bạc’’, thời gian thử thách là **14** (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H2, Mai Minh C, Vũ Thị H3 cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đặng Thị Thúy H1 cho Trường tiểu học Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách

Giao bị cáo Nguyễn Đức T3 cho UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội ‘‘ Đánh bạc’’. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Thị Thu T1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp

hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thị Thu T1.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.289.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 414 quân bài tú lơ khơ, 01 thảm nỉ màu đỏ, đen (đều qua sử dụng).

+ Trả lại bị cáo Mai Minh C 01 Điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, đã qua sử dụng.

+ Trả lại Vũ Thị H3: 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Trả lại Lý Tà T2: 01 Ví giả da, đã qua sử dụng. 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, đã qua sử dụng và 7.344.000,đ (bảy triệu ba trăm bốn mươu tư nghìn đồng)

+ Trả lại Phùng Minh T: 01 Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung, có vết nứt vỡ, đã qua sử dụng.

+ Trả lại Nguyễn Thị H2: 02 Điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, đã qua sử dụng và 560.000, đ(năm trăm sáu mươi nghìn đồng) .

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao vật chứng, tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 24/4/2025.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phùng Minh Th, Lý Văn P Lý Tà T2, Mai Minh C, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị Thúy H1, Nguyễn Đức T3, Vũ Thị H3, Lê Thị Thu T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Q;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Phòng PV06; PC10 Công an tỉnh HG
- UBND xã Q, TT T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Trường tiểu học Q
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, THAPT.

Cao Danh Nhân